

VAI TRÒ CỦA LUẬT TỤC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI Ở CÁC CƯ DÂN BẢN ĐỊA VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

NGUYỄN DUY THIỆU*

Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia trải dài trên 1137km, khởi đầu từ ngã ba biên giới giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia và kết thúc điểm nút đường biên giới trên bộ ở cửa biển Hà Tiên (Kiên Giang) đi qua 10 tỉnh (phía Việt Nam): Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và tiếp giáp với 9 tỉnh phía Campuchia: Ratanakiri, Mondul Kiri, Kratie, Kampong Cham, Svay Rieng, Pray Veng, Kandal, Ta Keo và Căm Pốt. Về mặt cư dân/tộc người có thể nói bên phía Việt Nam, khu vực từ Tây Ninh xuống phía nam đến Kiên Giang, chủ yếu do người Kinh (Việt), người Hoa và người Khơ me cùng cư trú; phía Campuchia từ Công Pông Chàm xuống tận phía nam đến Căm Pốt chủ yếu do người Khơ me và người Hoa cư trú, còn lại cộng đồng cư dân sinh sống trên cả khu vực trên cao nguyên rộng lớn ở phía bắc cả hai phía Việt Nam và Campuchia gồm rất nhiều tộc người, nhưng về mặt dân tộc học họ đều thuộc

hai nhóm lớn: Môn Khơ me và Malayo Polynesian. Cho tới nay các cư dân khác ngoài khu vực đã di cư tới đây, cộng cư với người bản địa, thậm chí tại các vùng trung tâm như thị xã, thị trấn, thị tứ, các cư dân mới tới hoàn toàn chiếm ưu thế, nhưng nhìn tổng thể, bộ phận các cư dân sinh sống lâu đời tại khu vực biên giới vẫn là bộ phận cư dân có vai trò đặc biệt trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Về mặt văn hóa, xã hội, cho tới tận ngày nay, ở các cộng đồng cư dân này vẫn còn bảo lưu nhiều yếu tố truyền thống. Theo đó tính cộng đồng (làng/Plei/buôn/sroc...) được đề cao; người già được kính trọng, trong nhiều trường hợp, luật tục truyền thống vẫn còn được sử dụng để điều chỉnh đời sống dân sự trong các cộng đồng cư dân.

Theo lý thuyết dân tộc học, trong quá trình chinh phục tự nhiên vì mục đích sinh tồn trong một thời gian rất lâu dài, dần dà tổ tiên loài người cũng nhận ra rằng để chinh phục tự nhiên và chinh phục tự nhiên có hiệu quả nhất, thì con người

* TS. Nguyễn Duy Thiệu, Bảo tàng Dân tộc học

không thể chỉ làm việc ấy một cách đơn lẻ, mà cần phải hành động tập thể. Từ nhu cầu này và cả các tác động từ các lĩnh vực khác nữa (ví như hôn nhân gia đình) mà các hình thức tổ chức xã hội sơ khai của loài người dần dà ra đời. Đã là một tập thể, muốn vận hành có hiệu quả thì các tập thể ấy phải tuân thủ những quy định chung vì lợi ích của cộng đồng. Theo đó mà các quy định để ứng xử trong từng cộng đồng - những thứ được gọi bằng ngôn từ hiện đại ngày nay là luật tục, hoặc tập quán pháp - hình thành và dần dà được hoàn thiện. Đương nhiên, các hình thái xã hội ngày càng phát triển và hệ thống quản lý đã dần sử dụng luật pháp và các qui định mang tính chất hành chính để quản lý điều hành xã hội. Dầu vậy, tại những khu vực xa xôi, hẻo lánh, ở nhiều nơi trên thế giới vẫn song hành tồn tại hai hệ thống xã hội: hệ thống hành chính cấp cơ sở của nhà nước và hệ thống tự quản của các cộng đồng cư dân. Tại những nơi đó, hệ thống xã hội mang với tư cách là đơn vị hành chính cấp cơ sở được vận hành bởi hệ thống luật pháp và các văn bản hành chính hiện hành, còn hệ thống xã hội tự quản của cộng đồng vẫn được vận hành bởi hệ thống luật tục cổ truyền. Cần nhớ rằng mỗi cộng đồng có trình độ phát triển kinh tế xã hội ở các thang bậc khác nhau, có lối sống văn hóa khác nhau và họ sống trong các điều kiện môi trường cũng khác nhau, bởi thế nên luật tục của mỗi làng cũng rất khác nhau. Có thể nói luật tục thường tương thích với trình độ phát triển kinh tế xã hội và đặc thù văn hóa của từng cộng đồng xã hội cụ thể. Theo đó mà trong bối cảnh xã hội hiện thời, trong đời sống thực tế đã thay đổi của các cộng đồng cư dân luật tục chỉ còn như là những gì xa xưa

ảnh xạ lại, bởi thế mà các thống luật tục thường được các nhà nghiên cứu xem như là những bộ phận hợp thành của các phức thể văn hóa, chúng thuộc phạm trù văn hóa phi vật thể. Cũng có những nghiên cứu xem xét hệ thống luật tục ở các khía cạnh của pháp luật và đề xuất việc sử dụng có chọn lọc một số “điều khoản” còn thích hợp để các cộng đồng điều chỉnh các mối quan hệ của họ trong đời sống dân sự thường nhật. Đương nhiên chỉ là sự điều chỉnh các mối quan hệ mang tính chất tự quản của cộng đồng, chúng không thể thay thế cho hệ thống pháp luật và các văn bản hành chính hiện hành.

Bởi lý do hầu khắp các tộc người bản địa sinh sống dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, chưa có chữ viết, hoặc chữ viết hình thành rất muộn trong các thời gian gần đây, nên luật tục của họ chưa có các văn bản viết hoàn chỉnh mà chỉ mới là các văn bản truyền miệng, dưới hình thức văn vần. Tùy theo từng tộc người cụ thể, các bộ luật tục đó được gọi bằng các tên gọi khác nhau. Ví dụ, người Êđê gọi là *klây duê bhiăn kđi*, người Giarai gọi là *tloir duat*, người Mnông gọi là *duê đoih*...

Có thể nói các bộ luật tục chủ yếu chỉ được áp dụng trong phạm vi xã hội cấp làng (Plei, Buon/Bon, Sroc...), do đó nếu nói là luật tục của người Êđê, luật tục của người Mnoong hay luật tục của người Giarai cũng chỉ là cách nói tương đối mà thôi. Dầu vậy, nhìn tổng thể, các bộ luật tục đều hướng tới việc điều chỉnh hành vi các cá nhân trong từng cộng đồng và cả hành vi của cộng đồng, nên nội dung của luật tục các tộc người đều tương đối đồng nhất về một số nội dung mang tính pháp lý chính.

Có thể nói các bộ luật tục đều được cô đúc lâu dài từ cuộc sống của các cộng đồng, nhằm mục đích sử dụng chúng điều hòa các quan hệ dân sự *trong phạm vi cộng đồng mỗi một làng/buôn*. Trở lại với bối cảnh của lịch sử, chúng ta đều đã biết rằng với tư cách là một đơn vị xã hội, có thể nói làng là đơn vị xã hội được hình thành sớm nhất. Trong buổi bình minh của lịch sử và cả trong thời đại ngày nay tại những vùng biệt lập, các đơn vị xã hội cấp làng tồn tại độc lập và có vai trò to lớn đối với các công dân trong làng. Trong các bối cảnh như vừa nói, có thể nói làng là các đơn vị xã hội tự trị. Tại đây toàn bộ dân làng vừa thực thi cả việc #lập pháp, hành pháp và tư pháp#. Toàn bộ người dân trong làng đều đóng góp cho việc xây dựng luật tục, một khi có kẻ dám vi phạm các điều cấm kỵ của cộng đồng thì toàn bộ dân làng, trong đó hạt nhân là “Hội đồng gia làng - bô lão” đứng ra phân xử. Và một khi “án đã được tuyên” thì chính người dân tổ chức thực hiện và “giám sát việc thi hành án”.

Ngày nay, xã hội loài người đã phát triển đến trình độ rất cao, các quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa đã thúc đẩy xã hội loài người hòa hợp, hội nhập... Quá trình ấy xóa dần tính biệt lập, bởi thế tính tự trị của làng xã ngày nay chỉ còn là những ảnh xạ từ quá khứ.

Luật tục được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, chủ yếu là sự *tích lũy, chắt lọc các kinh nghiệm* trong đời sống sản xuất và sinh hoạt xã hội; nó không do một cá nhân nào viết ra, đặt ra, nó *thấm đậm trong tâm tư, tình cảm, ý nguyện của cộng đồng*. Nhìn chung, các bộ luật tục đều “phi văn bản”, về cơ bản tồn

tại dưới dạng văn vần, được truyền miệng, do vậy mọi người dân trong làng/buôn đều thuộc luật tục theo kiểu “nhập tâm”.

Nội dung luật tục, các hoạt động nhằm mục đích áp dụng luật tục trong đời sống... luôn luôn gắn liền với đời sống xã hội cổ truyền ở làng quê, gắn với hệ thống văn hóa và sinh hoạt văn hóa, gắn với đời sống tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng, do vậy nó gắn với tâm tư tình cảm của người dân trong mỗi cộng đồng. Theo đó, việc thực thi luật tục trở thành một hành vi văn hóa, tạo nên một thứ “*văn hóa pháp luật*”, bởi thế mà hằn sâu vào tâm trí của mọi người dân.

Nội dung của luật tục - các quy định về cấm kỵ và hình phạt dành cho những kẻ vi phạm cấm kỵ - đều được xây dựng bởi sự đóng góp của toàn bộ dân làng. Việc “hành pháp” và “tư pháp” được tổ chức một cách công khai, minh bạch, dân chủ... do đó những kẻ bị trừng phạt đa phần “tâm phục, khẩu phục”. Cách thức như vừa đề cập hạn chế tối đa các hệ lụy hậu các vụ án, đảm bảo ổn định xã hội.

Tài liệu dân tộc học cho chúng ta biết rằng các “tòa án phong tục”, thiên nhiều hơn về vai trò hòa giải. Mỗi khi trong làng quê xảy ra xung đột, hiềm khích giữa các cá nhân hoặc giữa các tập thể, thì “tòa án phong tục” những người đại diện cho cộng đồng chủ yếu đứng ra làm chứng hoặc tổ chức “cầm chịch” cho các cá nhân, các tập thể đang xung đột tự hòa giải với nhau, theo cách của dân gian: cùng uống rượu với nhau, có những người được trọng vọng trong làng và các bậc thần linh chứng giám. Có thể nói những kinh nghiệm này còn rất hữu ích cho việc hài hòa trong đời sống dân sự hiện thời ở cấp cơ sở...

Có thể nói trong bối cảnh xã hội ngày nay, kể cả các xã hội ở các vùng xa xôi như vùng biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, thì sự hội nhập xã hội giữa các xã hội truyền thống với các xã hội hiện đại đã diễn ra trên cả diện rộng lẫn chiều sâu. Mặc dù tập quán pháp ở đây còn tồn tại khá đậm nét và còn đóng vai trò tích cực trong việc bình ổn xã hội, nhưng nếu như chúng ta nghĩ rằng có thể khôi phục tập quán pháp truyền thống để góp phần quản lý và điều hành xã hội hiện tại, thì có lẽ đây chỉ là một ý tưởng lãng mạn.

Nhưng, như đã nói, luật tục truyền thống của các cư dân không chỉ có ý nghĩa như là các văn bản pháp luật mà còn là có giá trị như là những bộ quy chuẩn về hệ giá trị đạo đức, văn hóa, nên chúng ta vẫn có thể sử dụng chúng để tạo dư luận, áp lực xã hội nhằm đề cao cái thiện, tôn xưng người tốt việc tốt, sử dụng chúng để đấu tranh, lên án cái ác, đấu tranh loại trừ những người có các hành vi xấu, đi ngược lại lợi ích của cộng đồng.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương thực hiện “Quy chế dân chủ ở cơ sở” mà nội dung cơ bản của nó là “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”, thì việc soạn thảo *Hương ước - Quy ước buôn làng mới* là một việc nên làm. Đương nhiên để thực hiện tốt chủ trương của Đảng cần phải nghiên cứu hiểu biết đầy đủ để những việc cần làm. Có thể nói các hoạt động quản lý xã hội trong những khu vực vùng biên hiện nay còn song hành tồn tại hai cơ chế, một theo cơ chế hành chính của nhà nước, được quản lý theo luật và các quy định hành chính khác; mặt khác các làng/buôn vẫn vận hành theo cơ chế tự quản về các hoạt động trong đời sống dân sự, ở khía cạnh này luật tục vẫn

còn nguyên sức sống của nó.

Việc xây dựng hương ước là cần thiết, hình thức thể hiện hương ước là sự phối kết hợp giữa truyền thống và hiện đại - giữa luật tục và luật pháp. Đương nhiên cần tránh luật pháp hóa luật tục bởi lẽ bên cạnh những quy định mang tính pháp lý thì luật tục còn là một phức thể văn hóa. Và một khi việc xây dựng các dự án phát triển kinh tế-xã hội mà ở đó yếu tố văn hóa-xã hội được nghiên cứu tốt để lồng ghép với yếu tố phát triển kinh tế... thì đã có nghĩa là ở đây ý tưởng phát triển hài hòa, bền vững đã được các nhà thiết kế chính sách/chiến lược quan tâm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS. TS. Ngô Đức Thịnh - TS. Ngô Văn Lý. *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Tây Nguyên*. Nxb. VHHN, 2004
2. R. Sabatier. “*Recueil des coutumes Rhadées de Darlac*” (Sưu tập những tập quán pháp của người Ra dê ở Đắc Lắc) năm 1940.
3. Th. Gerber. “*Coutumier Xtieng*” (Tập quán pháp Xtieng) , năm 1951.
4. J. Dournes. “*Nri recueil des coutumes Srê de Haut-Donnai*” (Nri sưu tập những tập quán pháp của Srê ở Đồng Nai Thượng) năm 1951.
5. P. Guilleminet. “*Coutumier de la tribu Bahnar des Sedang et des Jarai de la province de Kontum*” (Tập quán pháp của bộ lạc Ba na, Xơ đăng và Gia rai ở tỉnh Kon Tum) năm 1952.
6. P.B Lafont. “*Toloi Djuat coutumier de la tribu Jarai*” (Toloi Djuat tập quán pháp của bộ lạc Gia rai) năm 1963
7. TS. Phạm Đăng Hiến: Khái quát về dân số, dân cư, văn hóa, tín ngưỡng và thiết chế xã hội truyền thống các dân tộc thiểu số (tài liệu lưu tại Viện Dân tộc học), tháng 8-